

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST

Ngày 28/4/2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đoàn

2. Ông Lê Đình Cự

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị T, sinh năm 1987

Nơi thường trú: Thôn C, xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh P. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 24/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân

từ năm 2013 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Hoàng Thị Khánh L, sinh ngày 04/10/2006. Ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm nghề buôn bán tự do thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và xác minh với gia đình anh P thì được mẹ anh P là bà Nguyễn Thị N cung cấp như sau: Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho anh P và đã giao các văn bản trên cho anh P. Anh P đã biết việc chị T xin ly hôn anh P tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Anh P kết hôn với chị T năm 2005. Chị T và anh P mâu thuẫn là do chị T không thương yêu chồng nên đã tự ý đi khỏi nhà chồng. Sau khi anh P nhận được các văn bản của Tòa án thì anh P có ý kiến là anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị T và anh P có 01 con chung là Hoàng Thị Khánh L, sinh ngày 04/10/2006. Hiện cháu L đang ở với chị T và ông bà ngoại, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết về con theo quy định của pháp luật. Hiện anh P làm nghề tự do tại xã HG, huyện DH, tỉnh TB.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Trương Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Hoàng Văn P đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn P. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung Hoàng Thị Khánh L, sinh ngày 04/10/2006 cho chị Trương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh P về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn P có nơi thường trú tại xã HG, huyện DH, tỉnh TB, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái

Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T, anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh P do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 24/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị T xin ly hôn, anh P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB thì quá trình chung sống chị T và anh P có mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2013 chị T và anh P không chung sống cùng nhau. Chị T xin ly hôn anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị T và anh P đã sống ly thân từ năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Hoàng Thị Khánh L, sinh ngày 04/10/2006. Ly hôn chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Mẹ anh P khai anh P đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã HG xác định hiện chị T đang là người trực tiếp nuôi con chung và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung đang ở cùng chị T, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung Hoàng Thị Khánh L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh T về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh P.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273

Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Xử giao con chung Hoàng Thị Khánh L, sinh ngày 04/10/2006 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003111 ngày 10/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã HG;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương